TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy.

2. Ông Biện Hữu Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ*** *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 49/5, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Minh D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 49/5, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022; bản tự khai ngày 14/4/2022 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Minh D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2011.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D1 thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ nhiều năm qua, chị cố gắng chịu đựng để vợ chồng chung sống chăm lo cho các con Nng anh D1 vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh D1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1.

- Về con chung: Chị và anh D1 có 02 con chung tên là Hoàng Ngọc Quế T, sinh ngày 11/01/2012 và Hoàng Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/3/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháuT và cháu N không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Minh D: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 40/2022/TB-TLVA ngày 22 tháng 3 năm 2022 cho anh D1 Nng không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Hoàng Minh D không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Nng anh D1 không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh D1 không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Chị D và anh D1 có 02 con chung tên là Hoàng Ngọc Quế T, sinh ngày 11/01/2012 và Hoàng Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/3/2020. Hiện nay các con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị D có yêu cầu được nuôi dưỡng và các con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị D. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần của các con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháuT và cháu N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh D1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hoàng Minh D hiện cư trú tại ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Hoàng Minh D yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Thùy D là nguyên đơn; anh Hoàng Minh D là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Minh D đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị D và anh D1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị D: Chị D xin ly hôn với lý do anh D1 thường xuyên bửi chới, đánh đập chị. Vì thế mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất hòa nên vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau và chị D cũng không còn tình cảm với anh D1. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị D và anh D1 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị D, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị D và anh D1 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh D1 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này

thể hiện anh D1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị D anh D1 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh D1 theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị D và anh D1 có 02 con chung là Hoàng Ngọc Quế T, sinh ngày 11/01/2012 và Hoàng Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/3/2020. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện các con chung đang do chị D nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh, chị D có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt; cháu T và N cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị D. Xét thấy việc giao con chung là cháu T và cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của các con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Anh D1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị D chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D. Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Hoàng Minh D.

2) Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc Quế T, sinh ngày 11/01/2012 và Hoàng Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/3/2020 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Anh D1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung*:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0003438 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị D đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Hoàng Minh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
(GCNKH số 67/2011, ngày 12/5/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM